

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TẠI VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP: THỰC TIỄN VÀ GIẢI PHÁP

*ACCREDITATION AT PROGRAMME LEVEL IN THE CONTEXT
OF INTERNATIONAL INTEGRATION IN VIETNAM: PRACTICE AND SOLUTION*

HỒ ĐẮC HẢI MIÊN^(*), NGUYỄN THANH VƯƠNG

^(*)Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, *hdhmien@vnuhcm.edu.vn*

THÔNG TIN	TÓM TẮT
<p>Ngày nhận: 16/3/2020 Ngày nhận lại: 24/4/2020 Duyệt đăng: 22/6/2020 Mã số: TCKH-S02T6-B01-2020 ISSN: 2354 – 0788</p> <p>Từ khóa: <i>kiểm định, chương trình đào tạo, kiểm định chất lượng, chất lượng chương trình đào tạo.</i></p> <p>Key words: <i>accreditation, programme, quality accreditation, quality programme.</i></p>	<p><i>Bài viết tập trung phân tích, thống kê và đánh giá một số kết quả đã thực hiện trong hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục cấp chương trình đào tạo tại Việt Nam, qua đó chỉ ra những điểm mạnh đạt được, cũng như những tồn tại, từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu của xã hội và các bên liên quan.</i></p> <p>ABSTRACTS <i>In the context of international integration, this paper concentrates on analyzing the data collected from the results of accreditation at programme level in Vietnam, from that finding out the strengths as well as the weaknesses that most programmes are facing. The solutions for programme quality improvement in the context of international integration are also pointed out to meet the demands of society and stakeholders.</i></p>

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Khởi đầu từ năm 2009, khi chương trình đầu tiên tại Việt Nam được đánh giá chất lượng theo tiêu chuẩn AUN-QA (Asean University Network, mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á - đảm bảo chất lượng) thì việc đánh giá/kiểm định chất lượng chương trình đào tạo được Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như các trường đại học trong cả nước đặc biệt quan tâm và đẩy mạnh triển khai. Tính đến cuối tháng 01/2020, cả nước có 264 chương trình đào tạo đã được đánh giá theo các bộ tiêu chuẩn trong nước và nước ngoài. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế hướng đến sự liên thông và công nhận

lẫn nhau thì việc nâng cao chất lượng chương trình đào tạo luôn là vấn đề tất yếu cho sự tồn tại và phát triển của từng cơ sở giáo dục.

Trên cơ sở kết quả kiểm định chất lượng giáo dục cấp chương trình đào tạo đã được thực hiện tại Việt Nam cùng với các khuyến nghị có được từ các đoàn đánh giá ngoài và các Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, bài viết tập trung thống kê, phân tích và đánh giá những điểm mạnh và tồn tại mà các chương trình đào tạo cần lưu ý, đồng thời đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

2. BỘ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TẠI VIỆT NAM VÀ MỨC ĐỘ TƯƠNG ĐỒNG VỚI CÁC BỘ TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ KHÁC

2.1. Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo được áp dụng tại Việt Nam

Đánh giá chất lượng cấp chương trình đào tạo tại Việt Nam được Bộ Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu từ những năm 2010. Trong giai đoạn 2013 đến 2016, Bộ Giáo dục và Đào tạo bắt đầu ban hành các văn bản hướng dẫn việc triển khai đánh giá cấp chương trình đào tạo (tiêu biểu là Thông tư 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp và Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học).

“Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo” là hoạt động đánh giá và công nhận mức độ chương trình đào tạo đáp ứng các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Chương trình đào tạo của một ngành học (Program) ở một trình độ cụ thể bao gồm: mục tiêu, chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ của người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp; nội dung, phương pháp và hoạt động đào tạo; điều kiện cơ sở vật chất - kỹ thuật, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và các hoạt động học thuật của đơn vị được giao nhiệm vụ triển khai đào tạo ngành học đó (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2013) và “Đánh giá chất lượng chương trình đào tạo” là việc thu thập, xử lý thông tin, đưa ra những nhận định dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá đối với toàn bộ các hoạt động liên quan đến chương trình đào tạo trong cơ sở giáo dục đại học (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2016).

Theo Thông tư 38/2013/TT-BGDĐT, mục đích của kiểm định chất lượng chương trình đào tạo bao gồm “1) Bảo đảm và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo; 2) Xác nhận mức

độ chương trình đào tạo đáp ứng mục tiêu đề ra trong từng giai đoạn nhất định; 3) Làm căn cứ giải trình với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội về thực trạng chất lượng của chương trình đào tạo và 4) Làm cơ sở cho người học lựa chọn chương trình đào tạo và nhà tuyển dụng lao động tuyển chọn nhân lực”. Việc ban hành đầy đủ các văn bản pháp lý cùng với việc xác định rõ mục đích của kiểm định chất lượng chương trình đào tạo cho thấy Bộ Giáo dục và Đào tạo đánh giá cao tầm quan trọng của đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và xem đó là những nền tảng cơ bản cho việc nâng cao chất lượng đào tạo toàn cơ sở giáo dục.

Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT (gọi tắt: bộ tiêu chuẩn theo Thông tư 04) bao gồm 11 tiêu chuẩn và 50 tiêu chí, được chuyển dịch từ bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của AUN-QA (AUN-QA (2014), *Guide to AUN Actual Quality Assessment at Programme Level*), thể hiện quyết tâm của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc nâng cao chất lượng chương trình đào tạo, đáp ứng với chuẩn chất lượng ở khu vực. Bộ tiêu chuẩn đã áp dụng mô hình đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo theo AUN-QA tập trung vào chất lượng của các hoạt động đào tạo ở những khía cạnh: Chất lượng đầu vào, chất lượng quá trình đào tạo, chất lượng đầu ra (Hình 1).

Mô hình đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo (tương tự mô hình đảm bảo chất lượng của AUN-QA) bắt đầu từ việc xác định nhu cầu của các bên liên quan. Các nhu cầu này được chuyển tải vào mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (cột đầu tiên). Phần ở giữa mô hình gồm có 4 dòng, trong đó dòng đầu tiên đề cập đến cách thức chuyển tải mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo vào chương trình đào tạo thông qua bản mô tả chương trình đào tạo, cấu trúc và nội dung chương trình dạy học, phương thức tiếp cận trong dạy và học, đánh giá kết quả học tập của

người học. Dòng thứ hai xem xét đến chất lượng đầu vào, gồm chất lượng đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên, đội ngũ nhân viên, chất lượng

sinh viên, hoạt động hỗ trợ sinh viên, cơ sở hạ tầng và trang thiết bị.



Hình 1. Mô hình đảm bảo chất lượng cấp chương trình đào tạo theo Thông tư 04

Dòng thứ ba đề cập đến việc nâng cao chất lượng chương trình đào tạo bao gồm thu thập thông tin phản hồi các bên liên quan, cải tiến liên tục chương trình đào tạo. Dòng thứ tư tập trung vào kết quả đầu ra của chương trình, bao gồm tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình, tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp, các hoạt động nghiên cứu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Cột cuối cùng đề cập đến việc đạt được những thành quả của chương trình đào tạo.

Mô hình kết thúc với việc đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan và cải tiến liên tục hệ thống đảm bảo chất lượng, thực hiện đối sánh để tìm ra các kinh nghiệm thực tiễn tốt nhất.

Trước đây, một số nghiên cứu liên quan đến bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo đã được thực hiện. Ở góc độ quản lý, có bài viết của Sái Công Hồng (2013) về việc đề xuất quản lý chương trình đào tạo theo hướng tiếp cận đảm bảo chất lượng của mạng lưới AUN-QA. Các đề xuất quản lý chương trình đào tạo dựa trên: các cấu phần chính của chương trình đào tạo; cơ sở kế hoạch chiến lược; hoạt động kiểm định, đánh giá người học; nguồn

nhân lực; chất lượng người học, các dịch vụ hỗ trợ và cơ sở vật chất; các hoạt động đảm bảo chất lượng. Ở góc nhìn của cựu sinh viên tốt nghiệp tại Đại học Quốc gia Hà Nội, kết quả nghiên cứu của Sái Công Hồng (2016) trình bày kết quả nghiên cứu đánh giá tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp và mức độ đáp ứng của sinh viên theo yêu cầu của nhà sử dụng lao động để đề xuất các giải pháp cải thiện chất lượng đào tạo của Đại học Quốc gia Hà Nội. Như vậy, chưa có nghiên cứu nào thật sự nghiên cứu kỹ lưỡng theo hướng tiếp cận về tính hội nhập của bộ tiêu chuẩn theo Thông tư 04 cũng như đúc kết về thực trạng công tác kiểm định chất lượng chương trình đào tạo tại Việt Nam.

2.2. Mức độ tương đồng giữa bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cấp chương trình đào tạo tại Việt Nam (Thông tư 04) và các bộ tiêu chuẩn quốc tế khác

Tại Việt Nam, các trường đại học có xu hướng tập trung các nỗ lực để đạt chuẩn chất lượng quốc tế. Ba bộ tiêu chuẩn đang được quan tâm nhất hiện nay bao gồm Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo AUN-QA (giống với bộ tiêu chuẩn theo Thông tư 04),

Bộ tiêu chuẩn của ABET – Hoa Kỳ (Accreditation Board for Engineering and Technology, chuyên kiểm định khối ngành kỹ thuật), (ABET, 2019), *Accreditation Policy and Procedure manual*) và Bộ tiêu chuẩn của AACSB (Association to Advance Collegiate Schools of

Business - chuyên kiểm định các trường khối ngành kinh doanh và kế toán).

Khi so sánh với bộ tiêu chuẩn của ABET và của AACSB (AACSB, 2020), có thể thấy một số điểm tương đồng với bộ tiêu chuẩn theo Thông tư 04, được trình bày ở bảng 1:

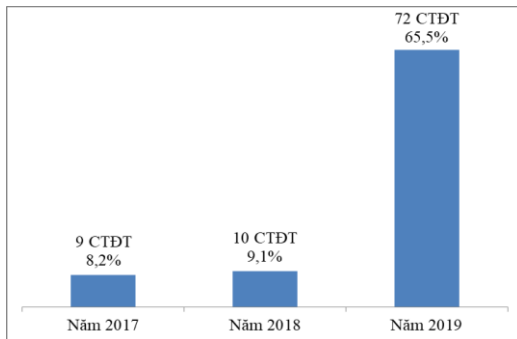
Bảng 1. Những điểm tương đồng về nội dung đánh giá giữa bộ tiêu chuẩn theo Thông tư 04, ABET và AACSB

Thông tư 04 (11 tiêu chuẩn)	ABET (8 tiêu chuẩn)	AACSB (15 tiêu chuẩn)
TC 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	TC 2: Mục tiêu đào tạo của chương trình TC 3: Chuẩn đầu ra	TC 1: Sứ mạng, tác động và đổi mới TC 2: Các đóng góp trí tuệ và sự gắn kết với sứ mạng
TC 2: Bản mô tả chương trình đào tạo	TC 5: Chương trình đào tạo	TC 9: Nội dung chương trình đào tạo TC 11: Các bậc đào tạo và cấu trúc chương trình tương ứng
TC 3: Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo		
TC 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	TC 6: Giảng viên	TC 10: Tương tác giữa sinh viên và giảng viên TC 12: Hiệu quả của hoạt động giảng dạy TC 13: Sự gắn kết giữa việc học lý thuyết và thực hành của sinh viên
TC 5: Đánh giá kết quả học tập của người học		TC 8: Quản lý chương trình và đảm bảo chất lượng
TC 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên		TC 5: Đủ giảng viên để vận hành chương trình TC 15: Bằng cấp giảng viên và sự đóng góp của giảng viên
TC 7: Đội ngũ nhân viên	TC 8: Sự hỗ trợ từ nhà trường	TC 6: Quản lý và hỗ trợ giảng viên TC 7: Đủ đội ngũ hỗ trợ để vận hành chương trình
TC 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	TC 1: Sinh viên TC 8: Sự hỗ trợ từ nhà trường	TC 4: Tuyển sinh, sự tiến bộ của người học và phát triển nghề nghiệp
TC 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị	TC 7: Cơ sở vật chất	TC 3: Các chiến lược tài chính và sự phân bổ nguồn lực
TC 10: Nâng cao chất lượng	TC 4: Cải tiến liên tục	TC 8: Quản lý chương trình và đảm bảo chất lượng TC 12: Hiệu quả của hoạt động giảng dạy
TC 11: Kết quả đầu ra		TC 4: Tuyển sinh, sự tiến bộ của người học và phát triển nghề nghiệp

Có thể thấy các nội dung đánh giá của bộ tiêu chuẩn của ABET và của AACSB (không kể số lượng tiêu chuẩn hay tiêu chí) đều được thể hiện trong bộ tiêu chuẩn theo Thông tư 04. Điều này cho thấy bộ tiêu chuẩn theo Thông tư 04 (hay bộ tiêu chuẩn theo AUN-QA) đã được nghiên cứu để đảm bảo mức độ tương đồng nhất định với các bộ tiêu chuẩn quốc tế khác. Việc áp dụng bộ tiêu chuẩn theo Thông tư 04 tại Việt Nam phần nào tiệm cận dần với khu vực và quốc tế.

3. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TẠI VIỆT NAM

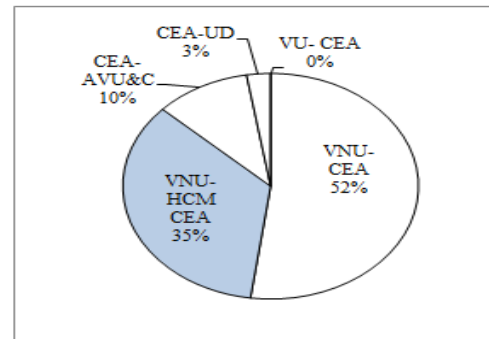
3.1. Khái quát tình hình đánh giá, công nhận các chương trình đào tạo tại Việt Nam



Hình 2. Số lượng chương trình đào tạo được đánh giá theo bộ tiêu chuẩn Thông tư 04 (đến 31/1/2020)

Phần lớn các trường, sau khi hoàn thành công tác kiểm định chất lượng cấp cơ sở giáo dục đã bắt đầu đẩy mạnh triển khai đánh giá ngoài cấp chương trình đào tạo theo bộ tiêu chuẩn theo Thông tư 04. Số lượng các chương trình được đánh giá trong nước tăng mạnh từ năm 2017 đến năm 2019 (Hình 2), và theo số liệu được cập nhật, những tháng đầu năm 2020 đã có thêm 19 chương trình đào tạo (chiếm 17,3%) được đánh giá. Đây là xu hướng phù hợp với bối cảnh giáo dục đại học tại Việt Nam, khi kết quả kiểm định cấp cơ sở giáo dục không chỉ khẳng định chất lượng và thương hiệu của trường, đồng thời cung cấp cái nhìn khách quan và định lượng về tổng thể các hoạt động nhằm giúp lãnh đạo cơ sở giáo dục và cán bộ giảng

Theo thống kê của Cục Quản lý chất lượng (thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo), đến ngày 31/1/2020, cả nước có 264 chương trình đào tạo đã được đánh giá, bao gồm 110 chương trình được đánh giá theo bộ tiêu chuẩn theo Thông tư 04 (chiếm 41,7%), 154 chương trình được đánh giá theo tiêu chuẩn nước ngoài (chiếm 58,3%). Trong 110 chương trình thuộc 36 cơ sở giáo dục được kiểm định trong nước, có 62 chương trình đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục gồm: 55 chương trình trình độ đại học hệ chính quy, 4 chương trình trình độ thạc sĩ và 3 chương trình trình độ đại học hệ chất lượng cao.



Hình 3. Tỷ lệ chương trình đào tạo được đánh giá ngoài theo Thông tư 04 cả nước (2017-2020)

viên có định hướng nâng cao chất lượng, cũng như có cơ sở lựa chọn chương trình đào tạo phù hợp để đăng ký đánh giá. Đến nay, Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên là đơn vị có số lượng chương trình đào tạo được công nhận nhiều nhất theo bộ tiêu chuẩn trong nước với 07 chương trình.

Với thực tế triển khai thời gian qua, có thể thấy mục tiêu đến hết năm 2020, 10% số chương trình đào tạo được đánh giá trong nước và quốc tế (theo Kế hoạch 118/KH-BGDĐT, 2017) của Bộ Giáo dục và Đào tạo là có thể khả thi. Tuy nhiên, bên cạnh việc đẩy mạnh về số lượng, cần thiết xem xét lại kết quả của các chương trình đào tạo đã được đánh giá để thấy được những điểm mạnh nổi bật cũng như lưu ý về những tiêu

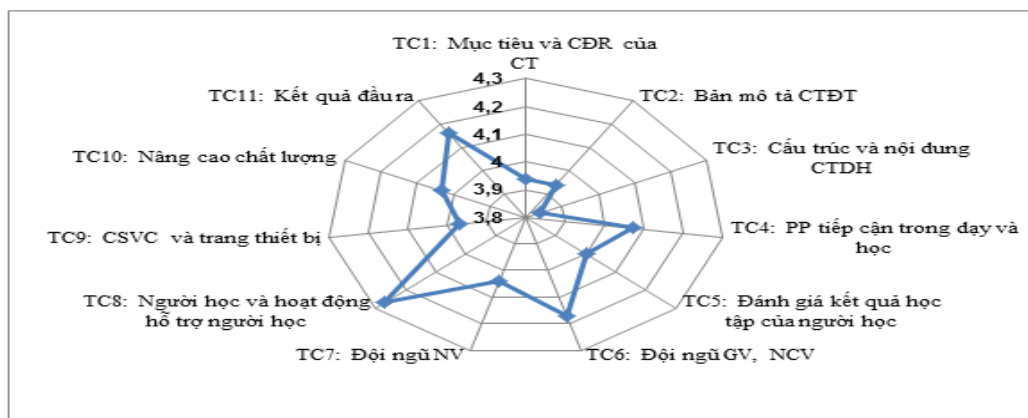
chỉ có tỷ lệ chưa đạt cao, qua đó giúp các trường có cơ sở để cải tiến chất lượng cho những chương trình sau.

3.2. Kết quả kiểm định chương trình đào tạo

3.2.1. Kết quả chung

Căn cứ kết quả kiểm định đối với 62 chương trình đào tạo được công khai trên trang thông tin điện tử của các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục trong nước: Xét theo điểm trung bình chung của 11 tiêu chuẩn. Hình 4 cho thấy, tiêu chuẩn 3 về "Cấu

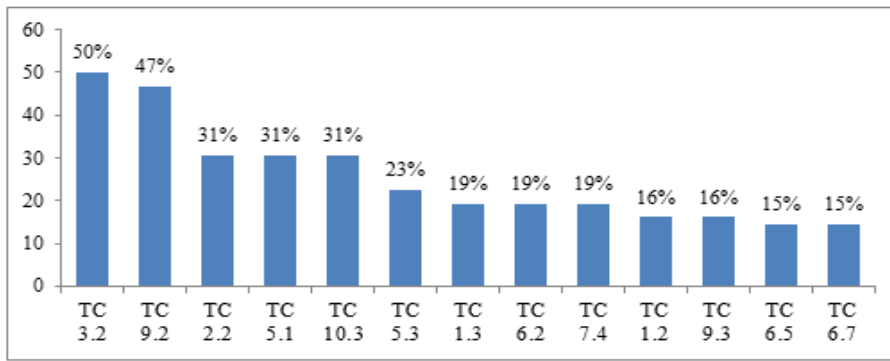
trúc và nội dung chương trình đào tạo" là tiêu chuẩn có điểm trung bình (ĐTB) chung thấp nhất với 3,84 điểm; tiếp theo sau là hai tiêu chuẩn cũng thuộc nhóm nội dung về chương trình đào tạo, đó là tiêu chuẩn 1 và 2 với cùng mức 3,94 điểm. Tiêu chuẩn 8 (Người học và hoạt động hỗ trợ người học) là tiêu chuẩn có ĐTB chung cao nhất với 4,27 điểm. Tiêu chuẩn 6 và 11 là những tiêu chuẩn có ĐTB chung cao tiếp theo, lần lượt là 4,17 và 4,16 điểm.



Hình 4. Sơ đồ điểm trung bình đánh giá chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn

Xét theo từng tiêu chí (TC) trong 11 tiêu chuẩn: Có 7 TC mà 100% chương trình đào tạo khi được đánh giá đều ở mức "Đạt" (từ 4 điểm trở lên) gồm: các TC tuyển dụng và lựa chọn nhân viên được xác định và công khai (TC 7.2); chính sách, TC và phương pháp tuyển chọn người học, hệ thống giám sát sự tiến bộ người học, các hoạt động tư vấn và dịch vụ hỗ trợ (TC 8.1 - 8.4); hoạt động xác lập, giám sát và đối sánh tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp và thời gian tốt nghiệp trung bình (TC 11.1 và 11.2). Với 43 TC còn lại, mỗi TC đều có ít nhất một chương trình đào tạo chưa đạt. Có 5 TC mà trên 30% chương trình đào tạo khi được đánh giá đều ở mức 5 điểm (đáp ứng tốt hơn yêu cầu) gồm: các TC tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai (TC 6.3); chính sách tuyển sinh rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật (TC 8.1); các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ

hỗ trợ khác giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học (TC 8.4); các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học (TC 10.4); loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng (TC 11.4). Có 5 TC mà trên 30% chương trình đào tạo khi được đánh giá đều "Chưa đạt" (dưới 4 điểm) gồm: đề cương các hc phần đầy đủ thông tin và cập nhật (TC 2.2); đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng (TC 3.2); việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra (TC 5.1); thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu (TC 9.2); quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra (TC 10.3), (Hình 5).



Hình 5. Những tiêu chí có tỷ lệ chương trình đào tạo được đánh giá "Chưa đạt" cao

Xét về mức điểm trung bình của toàn chương trình đào tạo: Trong tổng số 62 chương trình đào tạo đã được công nhận: 45 chương trình đào tạo (chiếm 72,6%) có ĐTB chung từ 4 trở lên (dao động từ 4,00 đến 4,50 điểm); 17 chương trình đào tạo (chiếm 17,4%) có ĐTB dưới 4 (dao động từ 3,98 đến 3,86 điểm). Mặc dù đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục, tuy nhiên, khoảng 18% chương trình đào tạo có mức trung bình dưới 4 điểm vẫn cần phải khắc phục nhiều ở những tiêu chí chưa đạt, những tồn tại mà Đoàn đánh giá ngoài và Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục đã khuyến nghị để nâng cao hơn nữa chất lượng.

Thực tế sau khi hoàn thành kiểm định chất lượng cấp cơ sở giáo dục, các trường đã có những chuyển biến tích cực, thay đổi mạnh mẽ và thực hiện nhiều cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của đoàn chuyên gia. Khi triển khai đánh giá chương trình đào tạo đã có sự kế thừa trong công tác tự đánh giá, xây dựng báo cáo và chuẩn hóa các tài liệu lưu trữ (số hóa hệ thống minh chứng). Đặc biệt ở các tiêu chuẩn, TC về đội ngũ, người học và công tác đảm bảo chất lượng, hầu hết các chương trình đào tạo đều có mức đánh giá đáp ứng được yêu cầu. Tuy nhiên, kết quả của 62 chương trình đào tạo đã được kiểm định cũng cho thấy các vấn đề tồn tại chủ yếu mà các cơ sở giáo dục/khoa đào tạo cần tập trung cải tiến.

3.2.2. Kết quả theo từng nhóm tiêu chuẩn

Với 11 tiêu chuẩn đánh giá cấp chương trình đào tạo, có thể chia thành 3 nhóm theo từng nội dung. Mỗi nhóm tập trung phân tích các điểm tồn tại theo các tiêu chí, bên cạnh việc tổng hợp các điểm mạnh nổi bật.

Nhóm về chất lượng đầu vào (hay có thể gọi là nhóm nội dung đào tạo): Gồm 5 tiêu chuẩn (từ tiêu chuẩn 1 đến 5) với 17 tiêu chí, đánh giá công tác xây dựng, triển khai và đánh giá chương trình đào tạo.

Điểm mạnh của 62 chương trình đào tạo ở nhóm này theo ý kiến của các Đoàn đánh giá ngoài là: Mục tiêu của các chương trình đào tạo đã được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục, với mục tiêu đào tạo được quy định tại Luật Giáo dục đại học và phản ánh được nhu cầu của thị trường lao động. Phần lớn bản mô tả của các chương trình đào tạo và đề cương các học phần đã được công bố bằng các hình thức khác nhau để các bên liên quan có thể tiếp cận. Cấu trúc chương trình dạy học được thiết kế và phân bổ khá logic, nội dung được cập nhật. Các hoạt động dạy và học được sử dụng đa dạng, hướng đến việc đạt chuẩn đầu ra, rèn luyện được các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học. Việc đánh giá kết quả học tập của người học đã có các quy định, hướng dẫn rõ ràng và được công khai.

Các tồn tại chính ở nhóm tiêu chuẩn này là: 50% chương trình đào tạo được nhận xét chưa thấy rõ mức độ đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng và thái độ (thông qua bảng ma trận liên kết giữa chuẩn đầu ra của học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo). Ngoài ra, ở một số chương trình đào tạo, việc phân nhiệm chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cho các học phần chưa hoàn toàn hợp lý, một số học phần có số lượng chuẩn đầu ra khá nhiều; có chương trình đào tạo chưa trình bày thang đo chuẩn đầu ra cho từng học phần.

31% chương trình đào tạo được các chuyên gia nhận xét là hệ thống đề cương chi tiết các học phần chưa được cập nhật đầy đủ nội dung như mục tiêu, học phần tiên quyết, xác định rõ các tổ hợp phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá,...; thiếu ma trận liên kết từ chuẩn đầu ra của học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trong đề cương học phần. Một số chương trình đào tạo chưa có văn bản quy định cụ thể việc định kỳ rà soát, điều chỉnh/cập nhật đề cương học phần.

Khoảng 30% chương trình đào tạo trong quá trình triển khai, cơ sở giáo dục và khoa đào tạo chưa có tài liệu hướng dẫn thiết kế về cấu trúc nội dung, phương pháp và công cụ kiểm tra, đánh giá để áp dụng đồng bộ và chuẩn hóa việc đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra. Đồng thời, tổ hợp các phương pháp kiểm tra, đánh giá chưa thể hiện có thể đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra của người học trong từng học phần cũng như của chương trình đào tạo. Chưa thực hiện đánh giá hiệu quả của các phương pháp đánh giá, mức độ phù hợp với các hình thức dạy – học và khả năng đo lường mức độ người học đạt được chuẩn đầu ra.

Ngoài ra, một số tồn tại khác cũng đáng chú ý như: các chuẩn đầu ra chưa được rà soát, điều chỉnh định kỳ theo quy định. Chưa thực hiện việc tập trung lấy ý kiến các bên liên quan trong hoạt động điều chỉnh mục tiêu và chuẩn đầu ra

của chương trình đào tạo. Chưa khảo sát lấy ý kiến phản hồi và thực hiện phân tích, đánh giá độ tin cậy, độ giá trị và tính công bằng của các đề thi.

Yếu tố cốt lõi và xuyên suốt của bộ tiêu chuẩn theo Thông tư 04 là việc xây dựng và vận hành một chương trình đào tạo để người học khi tốt nghiệp đáp ứng được các chuẩn đầu ra đã được ban hành của chương trình đó. Năm 2010, thực hiện chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Công văn số 2196/BGDĐT-GDĐH ngày 22/4/2010), các cơ sở giáo dục đại học đã tiến hành xây dựng chuẩn đầu ra và triển khai đối với các ngành đào tạo tại đơn vị. Tuy nhiên, làm thế nào để thiết kế chương trình dạy học hiệu quả, để xây dựng các phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá tương thích với chuẩn đầu ra, cũng như làm thế nào đo lường mức độ người học đạt được chuẩn đầu ra vẫn là những vấn đề mà đến nay, hầu hết các cơ sở giáo dục vẫn chưa thực hiện hiệu quả. Minh chứng là kết quả đánh giá ở nhóm tiêu chuẩn 1 - 5, các điểm tồn tại đều liên quan đến việc làm thế nào để giúp người học đạt được chuẩn đầu ra. Đây là vấn đề các cơ sở giáo dục cần nghiên cứu và tham khảo thêm các mô hình chương trình đào tạo hiệu quả trong và ngoài nước.

Nhóm về chất lượng quá trình đào tạo (hay còn gọi là nguồn lực hỗ trợ): Gồm 4 tiêu chuẩn (từ tiêu chuẩn 6 đến 9) với 22 tiêu chí, tập trung đánh giá về các nguồn lực để triển khai chương trình đào tạo như: đội ngũ giảng viên, nhân viên hỗ trợ, hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị và các hoạt động hỗ trợ người học.

Đây là nhóm tiêu chuẩn có tỷ lệ cao các chương trình đào tạo được đánh giá ở mức đạt, nổi bật là tiêu chuẩn 8 (về người học) với công tác tuyển sinh được thực hiện theo quy định; hệ thống theo dõi, giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học được thiết lập và vận hành có hiệu quả; công tác tư vấn, hỗ trợ người học được chú trọng; các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được đảm bảo. Ngoài

ra, công tác phát triển đội ngũ giảng viên, nhân viên hỗ trợ chương trình đào tạo cũng đã được các cơ sở giáo dục chú trọng, thực hiện quản lý, giám sát, đánh giá năng lực đội ngũ này theo các tiêu chí cụ thể.

Tuy nhiên, còn một vài tồn tại mà các chương trình đào tạo chưa đáp ứng theo yêu cầu, cụ thể: Gần 50% chương trình đào tạo chưa đáp ứng các yêu cầu về thư viện và các nguồn học liệu để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Lý do chủ yếu là thư viện chưa cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu, sách tham khảo (bản cứng/bản mềm) theo đề cương học phần của chương trình đào tạo được đánh giá; các tài liệu, học liệu chưa được cập nhật đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu; chưa có nhiều sự kết nối, chia sẻ nguồn học liệu với các thư viện khác để chia sẻ tài nguyên thông tin và kinh nghiệm trong quản lý;... Kết quả này tương đồng với kết quả kiểm định chất lượng giáo dục cấp cơ sở giáo dục theo văn bản hợp nhất Số 06/VBHN-BGDĐT với 66,7% trường đại học (77/117 cơ sở giáo dục) được đánh giá chưa đáp ứng yêu cầu của tiêu chí về thư viện (Nguyễn Phương Nga, 2019, tr.11). Từ kết quả đánh giá, việc cải tiến chất lượng, tăng cường số lượng nguồn học liệu để đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu là nội dung mà các cơ sở giáo dục cần quan tâm hơn nữa.

Tỷ lệ giảng viên/người học của 20% chương trình đào tạo chưa đáp ứng yêu cầu về xác định chỉ tiêu đào tạo trình độ đại học theo quy định hiện hành (thường cao hơn so với quy định); hoặc khối lượng giảng dạy của giảng viên vượt quá nhiều so với quy định về số tiết nghĩa vụ của cơ sở giáo dục; thiếu các quy định đề cập đến các hoạt động cộng đồng cho giảng viên; chưa khai thác, sử dụng hiệu quả dữ liệu đo lường, giám sát khối lượng công việc của giảng viên để cải tiến chất lượng. Chưa khảo sát hiệu quả nhằm xác định nhu cầu đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ, cũng như các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng

nâng cao năng lực cho nhân viên chưa đa dạng và chưa dựa trên nhu cầu công việc.

Nhóm về chất lượng đầu ra: Gồm 2 tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 10 và 11) với 11 tiêu chí, tập trung đánh giá hệ thống đảm bảo chất lượng và quản lý kết quả đầu ra của chương trình đào tạo.

Gần 100% chương trình đào tạo đáp ứng các yêu cầu về việc có hệ thống xác lập, giám sát và đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học, bỏ học thời gian tốt nghiệp trung bình và việc làm của sinh viên tốt nghiệp. Đồng thời, kết quả đánh giá cho thấy chất lượng các dịch vụ và tiện ích hỗ trợ chương trình đào tạo cũng được đánh giá, rà soát và cải tiến.

Tuy nhiên, điểm tồn tại lớn nhất ở nhóm tiêu chuẩn này mà hơn 30% chương trình đào tạo đều không đạt đó là chưa rà soát và đánh giá thường xuyên quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra; trong quá trình rà soát và điều chỉnh các chương trình đào tạo cũng chưa tham khảo đầy đủ ý kiến của các bên liên quan và sử dụng triệt để các ý kiến góp ý để có được những đóng góp thiết thực trong cải tiến chương trình dạy học, việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập,...

Nhằm nâng cao chất lượng chương trình đào tạo không chỉ phục vụ cho hoạt động kiểm định chất lượng mà còn giúp cho các cơ sở giáo dục liên tục rà soát, cải thiện chất lượng từng chương trình đào tạo đáp ứng mong đợi của người học và các bên liên quan trong bối cảnh hội nhập quốc tế, cần triển khai một số biện pháp sau.

Thứ nhất, tổ chức tập huấn cho đội ngũ giảng viên và xây dựng các hướng dẫn về phương pháp xây dựng chương trình đào tạo dựa trên chuẩn đầu ra, trong đó có lộ trình rà soát, đánh giá mức độ đáp ứng/tương thích với chuẩn đầu ra từ cấp bài học, môn học/học phần đến cấp chương trình đào tạo, từ cấu trúc, nội dung chương trình dạy học đến phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá. Các hoạt động cần được quan tâm, chuẩn hóa cho mọi chương trình đào

tạo trong toàn trường. Chuẩn hóa đề cương môn học/học phần, đảm bảo cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết; thực hiện rà soát, đánh giá, cải tiến, cập nhật theo quy định. Thực hiện phân tích, đánh giá độ tin cậy, độ giá trị và tính công bằng của các đề thi, đảm bảo tính khoa học đồng thời đáp ứng chuẩn đầu ra.

Thứ 2, có chiến lược và kế hoạch ở các cấp độ ngắn hạn đến dài hạn đảm bảo số lượng và chất lượng của đội ngũ giảng viên và nhân viên, đáp ứng các quy định hiện hành về tỷ lệ giảng viên/người học. Bổ sung các quy định và có giải pháp thúc đẩy các hoạt động liên quan đến phục vụ cộng đồng cho cả đội ngũ giảng viên và nhân viên. Khai thác, sử dụng hiệu quả dữ liệu đo lường, giám sát khối lượng công việc của giảng viên để cải tiến chất lượng. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, đặc biệt là thư viện, đa dạng hóa nguồn học liệu (bản cứng, bản mềm, kết nối thư viện trong và ngoài nước...), đảm bảo đáp ứng nhu cầu của giảng viên và sinh viên theo đề cương học phần.

Thứ 3, tiếp tục đẩy mạnh và hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong đến từng bộ phận, từng chương trình học. Có giải pháp lấy ý kiến các bên liên quan và sử dụng hiệu quả các ý kiến này trong việc thiết kế, xây dựng, cải tiến chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu của người học và xã hội.

4. KẾT LUẬN

Những nội dung được phân tích ở trên được đúc kết từ thực tế công tác kiểm định chất lượng cấp chương trình đào tạo tại Việt Nam. Các khuyến nghị được tổng kết là tập hợp trí tuệ của các đoàn đánh giá ngoài, nơi tập hợp các chuyên gia quản lý và nghiên cứu giáo dục có nhiều kinh nghiệm đến từ nhiều trường đại học lớn trong cả nước. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, việc rà soát, đánh giá và cải tiến liên tục chất lượng các chương trình đào tạo là vấn đề cần được lãnh đạo các cơ sở giáo dục và các khoa chuyên môn ưu tiên phát triển hàng đầu nhằm tạo ra cho xã hội các thế hệ người lao động có chất lượng, đáp ứng được các yêu cầu của một công dân toàn cầu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. ACCSB (2020), *Standards overview*, Available at <https://www.aacsb.edu/accreditation/standards>.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2013), *Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp*.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), *Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học*.
4. Cục Quản lý chất lượng (2020), *Danh sách các chương trình đào tạo đã hoàn thành báo cáo tự đánh giá, được kiểm định theo tiêu chuẩn trong nước (cập nhật đến ngày 31/01/2020)*, Available at <https://moet.gov.vn/giaoducquocdan/khao-thi-va-kiem-dinh-chat-luong-giao-duc/Pages/Default.aspx?ItemID=6461>.
5. Sái Công Hồng (2013), *Đề xuất quản lý chương trình đào tạo theo hướng tiếp cận đảm bảo chất lượng của mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á*, Tạp chí Giáo dục, vol. 322.
6. Sái Công Hồng (2016), *Đánh giá chất lượng chương trình đào tạo dưới góc nhìn của cựu sinh viên tốt nghiệp đại học*, Tạp chí Giáo dục, vol 389.
7. Nguyễn Phương Nga (2019), *Chính sách, cơ chế kiểm định chất lượng giáo dục đại học và kết quả đạt được*, Tài liệu Hội thảo Bảo đảm và Kiểm định chất lượng giáo dục đại học trên thế giới và ở Việt Nam, Nxb Đà Nẵng.